

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118/QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Chính trị học

+ Tiếng Anh: Politics

- Mã số ngành đào tạo: 52310201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo chuẩn: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Chính trị học

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Politics

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Chính trị học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống tri thức nền tảng của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là các lĩnh vực gắn với Chính trị học, trên cơ sở đó có khả năng vận dụng lí luận, phương pháp và các kĩ năng nghề nghiệp của ngành Chính trị học trong các lĩnh vực hoạt động có liên quan của đời sống xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công dân, tích cực tham gia sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối A (Toán, Lí, Hoá), C (Văn, Sử, Địa), D (Văn, Toán, Ngoại ngữ).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Hệ thống lí luận, phương pháp và phương pháp luận các môn lí luận chính trị trong học tập và nghiên cứu Chính trị học

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Hệ thống tri thức và phương pháp chung của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, có đủ cơ sở khoa học cần thiết để đi sâu tiếp thu tri thức và phương pháp của các khối ngành, nhóm ngành và ngành theo nhu cầu và định hướng phát triển chuyên môn

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn gắn với Chính trị học (Kinh tế học, Luật học, Xã hội học, Tâm lí học, Văn hóa học...)
- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Chính trị học.

1.3. Khung lí thuyết chung của Chính trị học, đồng thời được trang bị hệ thống tri thức và phương pháp tương đối đặc thù của các ngành khoa học xã hội và nhân văn có quan hệ chặt chẽ với Chính trị học

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ thống khái niệm, phạm trù căn bản của Chính trị học, một số vấn đề lí luận then chốt về chính trị thế giới và chính trị Việt Nam đương đại.
- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp nghiên cứu tôn giáo, dân tộc, đạo đức học,...; liên kết hệ tri thức và phương pháp nói trên với khung lí thuyết chung Chính trị học.

1.4. Tri thức và phương pháp về chính trị và chính sách; tri thức và phương pháp hỗ trợ quan trọng cho nghiên cứu chính trị và chính sách

- Hiểu, nắm vững và có khả năng phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa chính trị và chính sách, chính sách công của Việt Nam, vai trò của chính trị và chính sách trong phát triển xã hội.

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ tri thức và phương pháp nghiên cứu tổ chức, hành chính, các phương pháp thu thập, xử lý thông tin phục vụ các quá trình chính trị và chính sách.

1.5. Hệ thống lí luận và phương pháp chuyên sâu theo các định hướng chuyên ngành

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ tri thức và phương pháp theo định hướng chuyên ngành lí thuyết chính trị.

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ tri thức và phương pháp theo định hướng chuyên ngành chính trị Việt Nam.

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ tri thức và phương pháp theo định hướng chuyên ngành chính trị quốc tế.

- Hiểu, nắm vững và có khả năng vận dụng hệ tri thức và phương pháp theo định hướng chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

- Hiểu biết thực tế về cơ quan, tổ chức, lĩnh vực hoạt động liên quan đến Chính trị học mà người học sẽ công tác sau khi tốt nghiệp.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Nắm vững và có khả năng vận dụng các kĩ năng hoạt động lí luận

- Kĩ năng và năng lực tư duy lí luận về chính trị.
- Kĩ năng thu thập và xử lý thông tin chính trị.
- Kĩ năng nghiên cứu, viết, thuyết trình, giảng dạy Chính trị học.
- Kĩ năng thực hành văn bản chính trị.

2.1.2. Nắm vững và có khả năng vận dụng các kĩ năng hoạt động thực tiễn

- Kĩ năng tiếp cận và xử lý tình huống chính trị.
- Kĩ năng phân tích chính sách, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách, đánh giá và điều chỉnh chính sách.
- Kĩ năng nghiên cứu, đánh giá truyền thông và khai thác truyền thông trong chính trị.
- Kĩ năng phân tích, bình luận chính trị trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Kĩ năng thực hành Chính trị học khi tham gia hoạt động thực tiễn trong các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội.

- Kỹ năng tác nghiệp khi tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Xây dựng nhóm.
- Lãnh đạo nhóm.
- Vận hành nhóm.
- Phát triển nhóm.

2.2.2. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Nắm và vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc cơ bản, các kỹ năng chủ yếu về thiết kế và vận hành tổ chức.
- Nắm và vận dụng các phương pháp lãnh đạo, quản lý, phân quyền (quyền lực cứng, quyền lực mềm, phân quyền chiều dọc, phân quyền chiều ngang...).

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Ứng xử có văn hóa.
- Làm chủ các kỹ năng giao tiếp xã hội nói chung và kỹ năng giao tiếp trong các quan hệ công việc nói riêng.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: đạt chuẩn B1 của Đại học Quốc gia Hà Nội một trong năm ngoại ngữ Anh, Pháp, Trung, Nga, Đức.

- Kỹ năng nghe – nói.
- Kỹ năng đọc – viết.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Yêu nước.
- Tôn trọng và tuân thủ nghiêm túc Hiến pháp và pháp luật.
- Có ý thức phục vụ cộng đồng.
- Cần, kiệm, liêm, chính.
- Tích cực tham gia bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Khách quan khoa học.

- Chủ động, tự giác và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức, kỉ luật, tôn trọng, bảo vệ lợi ích của tổ chức.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

4.1. Vị trí công tác

- Làm công tác tư vấn, tham mưu trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Làm công tác tư vấn, tham mưu trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội.

- Làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan lí luận chính trị.

- Làm phóng viên, biên tập viên bình luận thời sự, chính trị tại các báo, đài trung ương và địa phương.

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong hệ thống trường Đảng, các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc: Sản phẩm lao động có hàm lượng khoa học thể hiện rõ tính chất chuyên môn Chính trị học, có sức khái quát lí luận đồng thời lí giải sâu sắc thực tiễn chính trị - xã hội, có khả năng ứng dụng, đáp ứng được các yêu cầu cụ thể của cơ quan sử dụng sản phẩm.

4.3. Khả năng phát triển chuyên môn: Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Chính trị học có thể tiếp tục học tập ở bậc sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ) hai chuyên ngành Chính trị học và Hồ Chí Minh học (và một số chuyên ngành khoa học chính trị khác sẽ được xây dựng: Lí thuyết chính trị, Chính trị Việt Nam, Chính trị quốc tế, Chính trị và truyền thông, Chính trị học so sánh); có thể học thêm để lấy bằng hai, bằng kép bậc đại học một số ngành có liên quan: Khoa học chính sách, Báo chí - truyền thông, Quan hệ quốc tế...

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: 27 tín chỉ

(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kĩ năng mềm)

- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: 23 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 17 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 6/8 tín chỉ*

- **Khối kiến thức chung theo khối ngành:** **17 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 12 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 5/13 tín chỉ
- **Khối kiến thức chung của nhóm ngành:** **13 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 8 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 5/10 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành và bổ trợ:** **48 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 35 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 13/35 tín chỉ
- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** **7 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (<i>Không tính các môn học từ số 9 đến số 11</i>)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	16	40	4	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	23				
II.1		Bắt buộc	17				
12	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
13	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
14	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
15	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
16	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
17	PSY1050	Tâm lí học đại cương	2	30			
18	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
II.2		Tự chọn	6/8				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
III		Khối kiến thức chung theo khối ngành	17				
III.1		Bắt buộc	12				
23	POL1052	Chính trị học đại cương	3	39	6		
24	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
25	ITS1101	Thể chế chính trị thế giới	3	45			HIS1053
26	ANT1101	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	3	36	9		
III.2		Tự chọn	5/13				
27	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
28	PHI1103	Lịch sử triết học	2	26	4		
29	PHI2022	Phương thức sản xuất châu Á và vấn đề làng xã ở Việt Nam	2	26	4		
30	POL2053	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	22	8		HIS1002
31	PHI1104	Đạo đức học đại cương	3	39	6		
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	13				
IV.1		Bắt buộc	8				
32	POL1150	Chính trị và chính sách	3	39	6		POL1052
33	POL1151	Chính sách công của Việt Nam	3	39	6		POL1052

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
34	POL2056	Chính trị học phát triển	2	22	8		
IV.2		Tự chọn	5/10				
35	MNS2064	Hành chính học đại cương	3	39	6		POL1052
36	MNS3037	Khoa học tổ chức	3	39	6		
37	POL2061	Dur luận xã hội	2	20	8	2	
38	POL3024	Kĩ thuật thu thập và xử lí thông tin	2	20	8	2	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	48				
V.1		Bắt buộc	35				
39	POL3028	Lịch sử học thuyết chính trị	5	60	15		PHI1004
40	POL3029	Phương pháp nghiên cứu chính trị học	4	48	12		POL1052
41	POL3012	Quyền lực chính trị	3	39	6		POL1052
42	POL3030	Đảng chính trị	3	39	6		POL1052
43	POL3031	Nhà nước pháp quyền	3	39	6		POL1052
44	POL3032	Chính trị học so sánh	3	39	6		POL1052
45	POL3033	Quan hệ chính trị quốc tế	3	39	6		POL1052
46	POL3034	Chính trị và truyền thông	3	39	6		POL1052
47	POL3035	Phương pháp tiếp cận và xử lí tình huống chính trị	3	33	9	3	POL1052
48	<i>POL3025</i>	Phương pháp viết bài luận và thuyết trình chính trị	2	20	8	2	POL1052
49	POL3015	Nhập môn Hồ Chí Minh học	3	39	6		POL1001
V.2		Tự chọn	13/35				
50	MNS3041	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	22	8		POL1052
51	POL3036	Hệ thống chính trị Việt Nam	3	39	6		POL1052
52	POL3007	Văn hóa chính trị Việt Nam	2	22	8		POL1052
53	<i>POL3005</i>	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	3	39	6		HIS1002
54	<i>POL3037</i>	Chính sách đối ngoại của các nước lớn	3	39	6		POL3033
55	<i>POL3038</i>	Chính phủ và chính trị ở Đông Nam Á	3	39	6		POL3033
56	<i>POL3039</i>	Kinh tế chính trị quốc tế	2	22	8		INE1014
57	<i>POL3040</i>	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	2	22	8		POL1001
58	POL3041	Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam	3	39	6		POL1001

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
59	POL3042	Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng văn hóa, đạo đức, con người mới Việt Nam	3	39	6		POL1001
60	POL3043	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về chính trị	3	39	6		POL3028
61	POL3011	Phụ nữ, chủ nghĩa nữ quyền và chính trị	2	22	8		POL1052
62	POL3027	Quy trình bầu cử	2	22	8		POL1052
63	POL3044	Thực hành văn bản chính trị	2	20	8	2	POL1052
V.3		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	7				
64	POL4056	Thực tập chuyên môn	2	4		26	POL3029
65	POL4052	Khoá luận tốt nghiệp	5			75	
66	POL4054	Chính trị học - Những vấn đề cơ bản	3	15	15	15	
67	POL4055	Chính trị Việt Nam - Những vấn đề cơ bản	2	10	10	10	
Tổng cộng:			135				